TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2025/DS-ST Ngày 20-8-2025 "V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng nuôi trồng thủy sản, hợp đồng tiêu thụ thủy sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trần Anh Duy

Ông Trần Giáp Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng cung ứng nuôi trồng thủy sản, Hợp đồng tiêu thụ thủy sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần T1 (Stapimex); Địa chỉ liên hệ: Số B, đường V, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là số B, đường V, phường S, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số E, đường P, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là số E, đường P, phường P, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2025- có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lưu Khánh Đ, sinh năm 1974 và bà Hoàng Nữ Thục A, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Số C, đường M, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Nay là số C, đường M, phường P, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2025 của nguyên đơn và lời trình bày của của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T:

Bà Hoàng Nữ Thục A và ông Lưu Khánh Đ và Công ty Cổ phần T1 (Stapimex) nay là Công ty cổ phần T1 (sau đây gọi là Công ty S) có ký kết các hợp đồng như sau:

Ngày 28/05/2004, giữa Công ty S và bà Hoàng Nữ Thục A ký kết hợp đồng tiêu thụ thủy sản số 146/HĐKT.TS.2004 để Công ty S cung cấp cho bà Hoàng Nữ Thục A thức ăn tôm phục vụ cho việc nuôi tôm.

Ngày 11/03/2005, giữa hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng cung ứng nuôi trồng và tiêu thụ thủy sản số 61/HĐKT.TS.2005 để Công ty S đầu tư cho bà Hoàng Nữ Thục A thức ăn, vật tư và tiền mặt dùng cho việc nuôi tôm sú.

Ngày 03/7/2008, giữa Công ty S và ông Lưu Khánh Đ tiếp tục ký hợp đồng cung ứng và nuôi trồng thủy sản số 88/HĐKT.TS.08 để Công ty S cung ứng cho ông Lưu Khánh Đ tiền mặt, thức ăn tôm phục vụ nuôi tôm sú.

Để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì giữa Công ty S với bà Hoàng Nữ Thục A, ông Lưu Khánh Đ có thỏa thuận thế chấp tài sản để đảm bảo việc trả nợ (tài sản thế chấp là toàn bộ thửa đất số 746, tờ bản đồ số 09, diện tích 20.170m², đất tại ấp N, xã L, huyện L nay là huyện T, tỉnh Sóc Trăng). Ngoài ra, khi ký hợp đồng các bên còn thỏa thuận về tiền lãi chậm trả theo dư nợ phát sinh cho đến khi ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A trả hết nợ cho Công ty S.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Công ty S đã cung ứng đầy đủ hàng hóa và tiền mặt cho bà Hoàng Nữ Thục A theo thỏa thuận của các hợp đồng đã ký kết và căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 thì bà Hoàng Nữ Ngọc A1 còn nợ Công ty S số tiền 9.139.817.764 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 3.000.389.352 đồng, tiền nợ lãi 6.139.428.412 đồng).

Công ty S đã cung ứng đầy đủ hàng hóa và tiền mặt cho ông Lưu Khánh Đ theo thoả thuận của hợp đồng đã ký kết và căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 thì ông Lưu Khánh Đ còn nợ Công ty S số tiền 3.226.936.494 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 1.085.368.280 đồng, tiền nợ lãi 2.140.936.214 đồng). Như vậy, tính đến ngày 31/12/2015 tổng cộng tiền gốc và tiền lãi vợ chồng ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A còn nợ Công ty S như sau:

Tiền nợ gốc: 4.085.757.632 đồng. Tiền nợ lãi đến ngày 31/12/2015 là 8.280.364.626 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi đến ngày 31/12/2015 là 12.366.122.258 đồng.

Hiện nay thửa đất vợ chồng ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A đang thế chấp cho Công ty S (thửa đất số 746, tờ bản đồ số 09, diện tích 20.170m², đất

tại ấp N, xã L, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Lưu Khánh Đ và bà Hoàng Nữ Thục A) đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết công nhận cho ông Trương Tấn L theo bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và bản án dân sự phúc thẩm số 248/2024/DS-PT ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, nên Công ty S khởi kiện ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A để thu hồi số tiền nợ được các bên thỏa thuận theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 01/01/2016 cho đến khi trả hết nợ.

Nay Công ty Cổ phần T1 (S) yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lưu Khánh Đ và bà Hoàng Nữ Thục A phải trả cho Công ty Cổ phần T1 (S) tổng số tiền nợ gốc còn nợ là 4.085.757.632 đồng.

- Buộc ông Lưu Khánh Đ và bà Hoàng Nữ Thục A phải trả cho Công ty Cổ phần T1 (Stapimex) số tiền lãi còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/12/2015 là 8.280.364.626 đồng.

- Buộc ông Lưu Khánh Đ và bà Hoàng Nữ Thục A phải trả cho Công ty cổ phần T1 tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2016 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,0%/tháng đối với nợ gốc của bà Hoàng Nữ Thục A và ông Lưu Khánh Đ còn nợ là 4.085.757.632 đồng.

Tạm tính tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/06/2025 (114 tháng 15 ngày) đối với nợ gốc của bà Hoàng Nữ Thục A và ông Lưu Khánh Đ là: 4.085.757.632 đồng x 1,0%/ tháng x 114 tháng 15 ngày = 4.678.192.449 đồng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Khánh T thay đổi yêu cầu khởi kiện đối tính lãi tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 20/8/2025 đối với nợ gốc của bà Hoàng Nữ Thục A và ông Lưu Khánh Đ là: 4.085.757.632 đồng x 0,83%/ tháng x (9 năm 7 tháng 19 ngày) = 3.921.333.126 đồng.

Tổng cộng: 4.085.757.632 đồng + 8.280.364.626 đồng + 3.921.333.126 đồng = 16.287.455.384 đồng.

Đối với bị đơn ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A không ghi nhận ý kiến sau khi Tòa án thụ lý, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đã nộp văn bản trình bày ý kiến đề ngày 05/8/2025 đề nghị Tòa án hoãn xét xử vụ việc cho đến khi có kết quả xem xét, giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân tối cao) theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 248/2024/DS-PT ngày

26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, sau đó tiếp tục đưa vụ việc ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Cần Thơ, thành phố Cần Thơ phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Công ty Cổ phần T1 đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty Cổ phần T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A trả tiền theo Hợp đồng cung ứng nuôi trồng thủy sản, Hợp đồng tiêu thụ thủy sản, biên bản đối chiếu công nợ; Ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A cư trú tại số C, đường M, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Nay là số C, đường M, phường P, Thành phố Cần Thơ). Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng cung ứng nuôi trồng thủy sản, Hợp đồng tiêu thụ thủy sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

[2] Đối với ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A quá trình tố tụng Tòa án tiến hành cấp tống đạt văn bản tố tụng đối với ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T1: Công ty Cổ phần T1 khởi kiện ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A trả số tiền nợ gốc 4.085.757.632 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/12/2015: trên tổng số nợ gốc

4.085.757.632 đồng, theo bản đối chiếu công nợ có chữ ký và chữ viết ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A, xác định là 8.280.364.626 đồng. Bị đơn không phản đối tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở Hội đồng xét xử xác định: Ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A có nợ tiền của Công ty Cổ phần T1 với số tiền nợ gốc là 4.085.757.632 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/12/2015 là 8.280.364.626 đồng.

[5] Về pháp luật áp dụng: *Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều khoản chuyển tiếp: 1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:...b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này; Theo Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:*

Hợp đồng chưa được thực hiện là hợp đồng mà các bên chưa phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định. Hợp đồng chưa được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Các hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết phù hợp theo quy định Điều 385, Điều 398, Điều 400, Điều 401, Điều 403 Bộ luật Dân sự năm 2015, và theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 20/8/2025 đối với nợ gốc của bà Hoàng Nữ Thục A và ông Lưu Khánh Đ là: 4.085.757.632 đồng x 0,83%/ tháng x (9 năm 7 tháng 19 ngày) = 3.921.333.126 đồng là phù hợp quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A là bị đơn phải

chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 95, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 385, Điều 398, Điều 400, Điều 401, Điều 403, Điều 440 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b Khoản 1 Điều 668 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1:

Buộc ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền là: 16.287.455.384 đồng *(Mười sáu tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng)*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T1 không phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần T1 số tiền 62.522.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000446 ngày 20/6/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5-Cần Thơ).

Ông Lưu Khánh Đ, bà Hoàng Nữ Thục A phải chịu là 124.287.455 đồng *(Một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng)*

3/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV5-CT;
- Phòng THADS Khu vực 5- CT;
- TAND TPCT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Như